

ỦY BAN THỂ DỤC THỂ THAO

ỦY BAN THỂ DỤC
THỂ THAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2007/TT-UBTDTT

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2007

THÔNG TƯ

hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thể dục, thể thao

Căn cứ Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; của Luật thể dục, thể thao (Nghị định số 112/2007/NĐ-CP) như sau:

Căn cứ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thể dục, thể thao;

Căn cứ Nghị định số 22/2003/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Thể dục thể thao;

Ủy ban Thể dục thể thao hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều

I. VỀ CỘNG TÁC VIÊN THỂ DỤC, THỂ THAO

1. Trình độ chuyên môn của cộng tác viên thể dục, thể thao được xác định căn cứ vào một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- Là huấn luyện viên, hướng dẫn viên thể thao hoặc vận động viên có đẳng cấp từ cấp II trở lên;
- Có bằng cấp về chuyên ngành thể dục thể thao từ bậc trung cấp trở lên;
- Có giấy chứng nhận chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp;

- Có giấy chứng nhận được đào tạo chuyên môn do Sở Thể dục thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp.

Đối với các địa phương ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, hải đảo nếu chưa có người đủ tiêu chuẩn quy định tại điểm này thì những người làm công tác văn hóa - xã hội, đoàn thành niên, những hạt nhân phong trào thể dục thể thao... được xét làm cộng tác viên.

2. Cộng tác viên thể dục, thể thao (sau đây gọi là cộng tác viên) được cấp thẻ theo mẫu thống nhất do Ủy ban Thể dục thể thao phát hành (mẫu 01 kèm theo Thông tư này). Căn cứ quy định tại điểm 1 mục này, Phòng Văn hóa thông tin - thể dục thể thao cấp huyện cấp thẻ cộng tác viên cho những cá nhân đủ tiêu chuẩn với thời hạn tùy thuộc vào khả năng và nhu cầu sử dụng cộng tác viên.

3. Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, gửi bộ hồ sơ đến Phòng Văn hóa thông tin - thể dục thể thao cấp huyện đề nghị cấp thẻ cho cộng tác viên, hồ sơ bao gồm:

- Giấy đề nghị cấp thẻ cộng tác viên của Ủy ban nhân dân cấp xã (mẫu 02 kèm theo Thông tư này);

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy xác nhận về trình độ chuyên môn;

- Giấy chứng nhận đủ sức khỏe của cơ sở y tế đa khoa cấp huyện trở lên;

- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú hoặc cơ quan công tác;

- 02 ảnh 3 x 4.

b) Trong thời gian 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, căn cứ vào tiêu chuẩn chuyên môn và nhu cầu sử dụng cộng tác viên, Phòng Văn hóa thông tin - thể dục thể thao cấp thẻ cộng tác viên. Trường hợp không cấp phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

4. Hàng năm, Sở thể dục thể thao thống kê nhu cầu sử dụng cộng tác viên trên địa bàn để xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ cộng tác viên theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định 112/2007/NĐ-CP.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng cộng tác viên để thực hiện nhiệm vụ vận động, tổ chức, hướng dẫn mọi người tập luyện, biểu diễn, thi đấu thể thao và tham gia các hoạt động phát triển phong trào thể dục, thể thao có trách nhiệm chi trả thù lao cho cộng tác viên theo hướng dẫn của liên bộ Ủy ban Thể dục thể thao và Bộ Tài chính.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng cộng tác viên phải ký hợp đồng (mẫu số .03 kèm theo Thông tư này).

II. VỀ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH HOẠT ĐỘNG THỂ THAO CỦA CÂU LẠC BỘ THỂ THAO CHUYÊN NGHIỆP

1. Chứng chỉ về y học thể thao của bác sĩ, nhân viên y tế (là cán bộ, nhân viên trong câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp) theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Nghị định 112/2007/NĐ-CP do Viện khoa học thể dục thể thao hoặc cơ sở có chức năng đào tạo chuyên ngành y học thể thao cấp.

2. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 51 của Luật thể dục, thể thao.

Sở Thể dục thể thao là cơ quan thường trực giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp.

Trong thời gian 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định

tại khoản 4 Điều 51 của Luật thể dục, thể thao, Sở Thể dục thể thao có trách nhiệm chủ trì phối hợp với cơ quan tài chính và các cơ quan có liên quan của tỉnh kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp quy định tại Điều 50 của Luật thể dục, thể thao, Điều 11 Nghị định 112/2007/NĐ-CP và Thông tư này. Kết quả kiểm tra được lập thành văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia.

Căn cứ kết quả kiểm tra các điều kiện theo quy định, Sở Thể dục thể thao trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao, bảo đảm đúng thời gian quy định tại Điều 51 của Luật thể dục, thể thao.

III. VỀ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH HOẠT ĐỘNG THỂ THAO

1. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang thiết bị từng môn thể thao của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao quy định tại Điều 13 Nghị định

112/2007/NĐ-CP là quy chuẩn được quy định trong luật từng môn thể thao do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục, thể thao ban hành.

2. Cán bộ, nhân viên chuyên môn của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao có hướng dẫn tập luyện hoặc đào tạo vận động viên quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định 112/2007/NĐ-CP gồm:

a) Huấn luyện viên thể thao

Huấn luyện viên thể thao của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao là người có bằng cấp về chuyên ngành thể dục, thể thao từ bậc trung cấp trở lên hoặc có chứng nhận chuyên môn do Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng cấp.

Số lượng huấn luyện viên thể thao làm việc tại doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao phải đảm bảo theo yêu cầu đặc thù của từng môn thể thao.

Liên đoàn thể thao quốc gia, Hiệp hội thể thao quốc gia quy định số lượng tối thiểu huấn luyện viên huấn luyện số lượng người tập cụ thể đối với từng môn thể thao.

b) Bác sĩ hoặc nhân viên y tế

Bác sĩ hoặc nhân viên y tế của doanh

nh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao là người có chứng chỉ về y học thể thao do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại điểm 1 mục II Thông tư này.

Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao phải có bác sĩ hoặc nhân viên y tế thường trực.

3. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định tại khoản 5 Điều 55 của Luật thể dục, thể thao.

Sở Thể dục thể thao là cơ quan thường trực giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao.

Trong thời gian 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 5 Điều 55 của Luật thể dục, thể thao, Sở Thể dục thể thao có trách nhiệm chủ trì phối hợp với cơ quan tài chính và các cơ quan có liên quan của tỉnh kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp thể thao theo quy định tại khoản 2 Điều 55 của Luật thể dục, thể thao, Điều 13 của Nghị định 112/2007/NĐ-CP và Thông tư này. Kết quả kiểm tra được lập thành

văn bản có xác nhận của các cơ quan tham gia.

Căn cứ kết quả kiểm tra các điều kiện theo quy định, Sở thể dục thể thao trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao, bảo đảm thời gian quy định tại khoản 5 Điều 55 của Luật thể dục, thể thao.

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Ủy ban Thể dục thể thao để kịp thời giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM

Nguyễn Danh Thái

09636913

Mẫu số 01

MẪU THẺ CỘNG TÁC VIÊN

Thẻ cộng tác viên thể dục, thể thao, bề ngang 6 cm, bề dài 9 cm, ảnh có đóng dấu nổi. Chữ ký của trưởng Phòng Văn hóa thông tin - thể dục thể thao đóng dấu thẻ (đường kính 2 cm). Thẻ cộng tác viên thể dục, thể thao do Ủy ban Thể dục thể thao phát hành.

Mặt trước

THẺ CỘNG TÁC VIÊN THẺ DỤC, THẺ THAO

	UBND HUYỆN.... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM PHÒNG VH TT- TDTT <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	THẺ CỘNG TÁC VIÊN THẺ DỤC, THẺ THAO
Số.....	
Ảnh (3 x 4)	Họ và tên..... Nam/Nữ Ngày sinh..... Số CMND..... Có giá trị đến ngày.... tháng.... năm..... (Địa điểm), ngày.... tháng... năm....
	TRƯỞNG PHÒNG VH TT-TDTT (Ký tên, đóng dấu)

Mặt sau

NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý:

1. Chịu trách nhiệm về kết quả chuyên môn đối với công việc cộng tác;
2. Không dùng thẻ cộng tác viên để thực hiện các hoạt động không thuộc nhiệm vụ được giao;
3. Bảo quản thẻ, trường hợp mất phải báo ngay với cơ quan có thẩm quyền để được cấp lại.

Mẫu số 02

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa điểm), ngày tháng năm 200.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ CỘNG TÁC VIÊN THỂ DỤC, THỂ THAO

Kính gửi: Phòng Văn hóa thông tin - Thể dục thể thao.....

Căn cứ quy định của Luật thể dục, thể thao, Nghị định 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thể dục, thể thao, Thông tư 05/2007/TT-UBTDTT ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban Thể dục thể thao, Ủy ban nhân dân xã..... đề nghị quý phòng xét cấp thẻ cộng tác viên thể dục thể thao cho:

Họ và tên:..... Nam/Nữ:.....

Sinh ngày..... tháng..... năm..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Quê quán:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Nghề nghiệp:.....

Nơi làm việc:.....

Trình độ chuyên môn:.....

Hình thức cộng tác:.....

TM. UBND XÃ.....
(Ký, đóng dấu)

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

0963699666

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa điểm), ngày..... tháng..... năm 200.....

HỢP ĐỒNG CỘNG TÁC THỂ DỤC, THỂ THAO

Chúng tôi, một bên là ông (bà):.....

Chức vụ:.....

Đại diện cho:..... Điện thoại:.....

Fax:..... Email:.....

Địa chỉ:.....

Và một bên là ông (bà):..... Nam/Nữ:.....

Sinh ngày..... tháng..... năm..... Điện thoại:.....

Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Chứng minh thư số..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Nghề nghiệp:.....

Nơi làm việc:.....

Trình độ chuyên môn:.....

Thỏa thuận ký kết hợp đồng cộng tác và cam kết thực hiện đúng các điều khoản sau đây:

099336913

Điều 1. Thời hạn cộng tác

Ông (bà)..... làm việc theo hợp đồng cộng tác từ
ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

Điều 2. Hình thức cộng tác

Cộng tác theo hình thức:.....

Cộng tác theo vụ việc hay dài hạn:.....

Điều 3. Mức thù lao

Mức thù lao là:.....

Cách thức chi trả:.....

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ cộng tác viên

1. Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 2 theo đúng thời hạn và yêu cầu chất lượng đã thỏa thuận;
2. Được nhận tiền bồi dưỡng và các chi phí hợp lý khác theo thỏa thuận, đúng quy định của pháp luật;
3. Chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do lỗi của mình gây ra trong quá trình cộng tác;
4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về thể dục, thể thao và các văn bản có liên quan.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của bên sử dụng cộng tác viên

1. Phân công nhiệm vụ cho cộng tác viên;
2. Chi trả tiền bồi dưỡng và thanh toán các khoản chi phí hợp lý để cộng tác viên thực hiện nhiệm vụ;
3. Thực hiện trách nhiệm khác theo thỏa thuận và theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Điều khoản chung

1. Những thỏa thuận khác:.....

.....

.....

2. Hợp đồng cộng tác thể dục, thể thao có hiệu lực từ ngày..... tháng..... năm đến ngày..... tháng..... năm.....

3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có những thay đổi, bổ sung thì 2 bên cùng bàn bạc giải quyết.

Hợp đồng này làm thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

CỘNG TÁC VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)